TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM KỲ** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28 /2017/KDTM-ST
Ngày 30/9/2017
V/v tranh chấp nghĩa vụ thanh toán
trong hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tấn Long
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Thông
Ông Phạm Bá Sang

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Hải - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Phượng, Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố Tam Kỳ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 12/2016/TLST-KDTM ngày 21 tháng 4 năm 2016 về việc: "*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/QĐXX-KDTM ngày 23/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2017/QĐST-KDTM ngày 14/9/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển K.

Địa chỉ: Số 389 Nguyễn Văn Trỗi, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Cao Ngọc T, chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển K, là người đại diện theo pháp luật. Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH S.

Địa chỉ: Số 85 Bàu Cát 1, phường H, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Ngọc T, chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH S, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qúa trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển K là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển K. Công ty được hoạt động theo hình thức cổ phần kể từ ngày 01/12/2015. Theo quy định của pháp luật, Công ty cổ phần

Đầu tư và Phát triển K kế thừa mọi quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển K trước đây.

Năm 2013, Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển K nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển K (sau đây gọi tắt là Công ty K) và Công ty TNHH S ký kết một số hợp đồng mua bán giấy in, giấy in báo các loại được nhập khẩu từ nước ngoài, trong đó có Hợp đồng số 07/KHCL-ST ngày 16/7/2013, 08/KHCL-ST ngày 17/7/2013 và 09/KHCL-ST ngày 13/8/2013.

Sau khi kết thúc hợp đồng hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ, tại biên bản xác nhận công nợ lập ngày 31/7/2014 do bà Trần Thị Ngọc T- Giám đốc Công ty S ký thì Công ty S nợ tiền mua hàng của Công ty K tính đến ngày 30/6/2014 số tiền 1.092.543.627 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ, Công ty S đã thanh toán được tổng cộng số tiền 342.543.627 đồng, số tiền mua hàng Công ty S còn nợ Công ty K là 750.000.000 đồng.

Tại Điều 4 của các Hợp đồng nêu trên có quy định: Bên mua hàng phải thanh toán cho bên bán hàng trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày nhận hàng và hóa đơn tài chính của bên bán hàng; trường hợp bên mua hàng chậm thanh toán thì phải chịu lãi quá hạn 02%/tháng trên tổng số tiền chậm trả nhưng không chậm thanh toán quá 07 ngày.

Tuy nhiên, Công ty K chỉ tính lãi theo mức lãi suất cơ bản là 9%/năm kể từ thời điểm đối chiếu công nợ là ngày 30/6/2014 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2017 với tổng số tiền là 228.149.021 đồng.

Như vậy, Công ty K khởi kiện yêu cầu Công ty S thanh toán tiền nợ mua hàng tổng cộng số tiền là 978.149.021 đồng, bao gồm nợ gốc 750.000.000 đồng và lãi phát sinh đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 228.149.021 đồng.

Đối với bị đơn Công ty TNHH S: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện nhiều biện pháp để tống đạt các văn bản tố tụng cho Công ty TNHH S nhưng đại diện của Công ty TNHH S vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, việc lấy lời khai của Công ty TNHH S và việc hoà giải không thực hiện được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án và các đương sự đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty S thanh toán tiền nợ mua hàng tổng cộng số tiền là 978.149.021 đồng, bao gồm nợ gốc 750.000.000 đồng và lãi phát sinh kể từ thời điểm đối chiếu công nợ là ngày 30/6/2014 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2017 theo mức lãi suất cơ bản là 9%/năm mà Công ty K đã yêu cầu tại phiên tòa là 228.149.021 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo thỏa thuận tại các Hợp đồng mua bán giấy giữa hai bên ký kết vào các ngày 16/7/2013 và ngày 13/8/2013 thì các bên thỏa thuận bên B (Công ty K) nhận giao hàng đúng số lượng, chất lượng và chủng loại theo yêu cầu

của bên A (Công ty S); bên A (Công ty S) phải thanh toán tiền hàng đầy đủ cho bên B (Công ty K). Thực hiện các hợp đồng trên, Công ty K đã thực hiện đầy đủ các nội dung và hai bên đã ký biên bản đối chiếu công nợ nhưng Công ty S không thực hiện việc thanh toán đúng thời hạn như thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó Công ty K khởi kiện yêu cầu Công ty S thanh toán các khoản nợ còn thiếu và lãi phát sinh là đảm bảo quyền khởi kiện, điều kiện khởi kiện, Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ thụ lý và giải quyết là đúng quan hệ pháp luật theo Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Công ty TNHH S đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không tham gia các hoạt động trong quá trình chuẩn bị xét xử nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải được, tại phiên tòa bị đơn Công ty TNHH S tiếp tục vắng mặt mặc dù đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Qúa trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đối chiếu các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì thấy: Ngày 16/7/2013 và ngày 13/8/2013, Công ty K và Công ty S ký các Hợp đồng mua bán số 07/KHCL-ST, 08/KHCL-ST và số 09/KHCL-ST về việc mua bán giấy. Công ty K đã giao hàng đầy đủ cho Công ty S theo đúng hợp đồng và hai bên đã tiến hành ký biên bản đối chiếu công nợ, tuy nhiên Công ty S đã không thực hiện việc thanh toán đúng thời hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng. Do đó, Công ty K khởi kiện yêu cầu Công ty S thanh toán số tiền còn nợ là 750.000.000 đồng và lãi phát sinh kể từ thời điểm đối chiếu công nợ là ngày 30/6/2014 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2017 theo mức lãi suất cơ bản là 9%/năm là 228.149.021 đồng.

Xét thấy, đối với số nợ gốc: Công ty S ký các Hợp đồng mua bán số 07/KHCL-ST ngày 16/7/2013, số 08/KHCL-ST ngày 16/7/2013 và số 09/KHCL-ST ngày 13/8/2013 về việc mua giấy của Công ty K (từ BL số 05 đến BL số 13). Thực hiện hợp đồng, Công ty K đã giao hàng đầy đủ thể hiện tại các biên bản giao nhận hàng vào các ngày 16,17, 18 và 23/8/2013 (từ BL số 19 đến BL số 23) và xuất hóa đơn giá trị gia tăng đầy đủ cho Công ty S (từ BL số 14 đến BL số 18). Sau khi kết thúc hợp đồng hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ, tại biên bản xác nhận công nợ lập ngày 31/7/2014 do bà Trần Thị Ngọc T- Giám đốc Công ty S (là người đại diện theo pháp luật) ký thì Công ty S nợ tiền mua hàng của Công ty K tính đến ngày 30/6/2014 số tiền 1.092.543.627 đồng (BL số 03). Sau khi đối chiếu công nợ, công ty S đã thanh toán được tổng cộng số tiền 342.543.627 đồng, cụ thể: Ngày 24/7/2014 thanh toán 92.543.828 đồng, ngày 30/9/2014 thanh toán 100.000.000 đồng, ngày 28/10/2014 thanh toán 99.999.799 đồng, ngày 02/02/2015 thanh toán 50.000.000 đồng. Như vậy số tiền mua hàng Công ty S còn nợ Công ty K là 750.000.000 đồng, Công ty K khởi kiện yêu cầu Công ty S thanh toán số tiền nợ 750.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi của Công ty K: Theo thỏa thuận tại điều 4 của các Hợp đồng mua bán nêu trên thể hiện: *Thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày*

nhận được hàng và hóa đơn tài chính của bên B (Công ty K). Trong trường hợp bên A (Công ty S) chậm thanh toán thì phải chịu lãi quá hạn 2%/tháng/tổng số tiền trả chậm nhưng không được quá 7 ngày. Công ty S đã nhận đủ hàng và hóa đơn tài chính nhưng không thực hiện đúng thời gian thanh toán theo hợp đồng, do đó phải chịu lãi chậm thanh toán. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho Công ty K chỉ yêu cầu Công ty S thanh toán số tiền lãi kể từ ngày đối chiếu công nợ ngày 30/6/2014 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2017 theo mức lãi suất cơ bản là 9%/năm, tương ứng với số tiền là 228.149.021 (có bảng chi tiết lãi tại hồ sơ). Xét đây là sự tự nguyện giảm lãi của nguyên đơn, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Công ty K.

Như vậy, tổng cộng số tiền Công ty S phải thanh toán cho Công ty K là 978.149.021 đồng, bao gồm nợ gốc 750.000.000 đồng và lãi phát sinh đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2017 là 228.149.021 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty K được chấp nhận nên bị đơn Công ty S phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 41.344.470 đồng.

Trả lại số tiền tạm ứng án phí 23.570.000 đồng cho Công ty K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 30, Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 280; Điều 281, Điều 290 Bộ luật dân sự 2005.

Áp dụng Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển K.

Buộc Công ty TNHH S thanh toán tiền mua hàng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển K tổng cộng là 978.149.021 đồng, bao gồm nợ gốc 750.000.000 đồng và lãi phát sinh đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2017 là 228.149.021 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển K có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty TNHH S không trả đủ số tiền trên thì Công ty TNHH S phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm buộc Công ty TNHH S phải chịu là 41.344.470 đồng.

Trả lại tiền tạm ứng án phí 23.570.000 đồng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển K theo biên lai thu số 00023095 ngày 15/4/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND T;
- Tòa án tỉnh, VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*Đã ký)*

Đinh Tấn Long